TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DSST

Ngày: 22 - 9 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bạch Đình Ca và bà Hoàng Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhưng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường B Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn số 11/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số A, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là số A, xã K, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số B, đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Số B, đường A, phường B, tỉnh Đắk Lắk).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn Q, xã K, tỉnh Đắk Lắk).

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2025 và quá trình giải quyết vụ án , người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Cao Thị T là ông Lê Văn N trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với bà Nguyễn Thị T1, vào ngày 10/02/2020 bà T1 nói gặp khó khăn với bà T và có vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%, thời hạn trả góp vào ngày 20 hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho bà T và bà T1 có xin bà T cho tiền lãi nếu góp đầy đủ. Đến ngày 20/3/2020 là thời hạn trả góp cho bà Cao Thị T như đã cam kết tại giấy vay tiền, tuy nhiên bà T1 lại không trả góp cho bà T, bà T đã nhiều lần vào nhà bà T1 để yêu cầu trả nợ nhưng bà T1 lẩn tránh không trả nợ cho bà T từ đó cho đến nay.

Việc bà T1 không trả nợ tiền vay cho bà T như đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T. Vì vậy, nay bà Cao Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T1 trả cho bà T số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 10/02/2020 cho đến ngày 22/9/2025 với số tiền lãi 22.476.712 đồng.

** Theo văn bản ngày 19/9/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày ý kiến như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết với bà Cao Thị T nên vào ngày 10/02/2020 bà T1 có vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng, trả góp vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 20/3/2020, việc vay mượn có viết giấy và ký xác nhận, hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau và nếu bà T1 trả đúng hạn thì bà T sẽ cho bà T1 tiền lãi suất. Vì làm ăn khó khăn nên bà T1 không có điều kiện trả nợ cho bà T như đã cam kết. Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đương sự vắng mặt nên không tiến hành tranh luận được.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk:***

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đương sự.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Cao Thị T số tiền gốc 40.000.000 đồng. Về tiền lãi tính theo quy định pháp luật.

+ Về chi phí tố tụng khác và án phí : Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng khác , án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa , Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt , căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Cao Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông bà số tiền gốc 40.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật , theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 thường trú tại thôn Q, xã K, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên , Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

[2]. Nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện trả tiền gốc của bà Cao Thị T: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà T số tiền gốc là 40.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu của mình bà T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc giấy có nội dung vay tiền ngày 10/02/2020 và bà T cho rằng giấy vay tiền này do chính phía bị đơn bà Nguyễn Thị T1 tự nguyên viết nội dung vay tiền với số tiền 40.000.000 đồng và bà T1 ký ghi rõ họ tên bên vay tiền.

Tại văn bản ý kiến ngày 19/9/2025, bà Nguyễn Thị T1 thừa nhận vào ngày 10/02/2020 bà T1 có vay của bà T số tiền 40.000.000 đồng, trả góp hàng tháng , mỗi tháng trả 1.000.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng, việc vay mượn có viết giấy và bà T1 có ký xác nhận.

Đồng thời, tại Kết luận giám định số 642/KL-KTHS, ngày 22/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ xác định chữ viết bà Nguyễn Thị T1 tại giấy vay tiền 10/02/2020.

Như vậy, việc ký vay tiền của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội ; các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch vay tiền trong giấy vay tiền ngày 10/02/2020 mà bà T cho bà T1 vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật, đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; việc bà T1 không trả nợ cho bà T như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho Cao Thị T số tiền 40.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

[2.2]. Xét yêu cầu trả tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi suất theo quy định pháp luật và bị đơn bà T1 cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu lãi theo quy định pháp luật là có cơ sở ; căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tính lãi 10%/01 năm là phù hợp. Vậy, số tiền lãi tính từ ngày 10/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2025 của số tiền gốc 40.000.000 đồng là 22.476.712 đồng.

[2.4]. Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Cao Thị T tổng số tiền là: 62.476.712 đồng (trong đó tiền nợ gốc là: 40.000.000 đồng và tiền lãi là 22.476.712 đồng) là có căn cứ.

[3]. Về chi phí tố tụng khác:

Về chi phí giám định: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T nên bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu chi phí giám định số tiền là 4.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà Cao Thị T đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định 4.000.000 đồng. Bà T được nhận lại số tiền chi phí tạm ứng giám định đã nộp 4.000.000 đồng khi Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thu được tiền chi phí giám định của bà Nguyễn Thị T1 . Hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa là 2.000.000 đồng đã được nhận lại (ông Lê Văn N là người đại diện ủy quyền nhận thay) theo biên bản trả tiền ngày 22/9/2025.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Cao Thị T số tiền 2.500.000đồng mà ông Lê Văn N (nộp thay cho bà Cao Thị T) đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005810 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana , tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Đắk Lắk).

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.123.835 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ: Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ l uật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Cao Thị T số tiền là 62.476.712 đồng (sáu mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng), trong đó tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 22.476.712 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về chi phí tố tụng khác:

Về chi phí giám định: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu chi phí giám định số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Nguyên đơn bà Cao Thị T đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định 4.000.000 đồng. Bà T được nhận lại số tiền chi phí tạm ứng giám định đã nộp 4.000.000 đồng khi Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thu được tiền chi phí giám định của bà Nguyễn Thị T1 . Hoàn trả cho bà Cao Thị T số tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn thừa là 2.000.000 đồng đã được nhận lại (ông Lê Văn N là người đại diện ủy quyền nhận thay) theo biên bản trả tiền ngày 22/9/2025.

[4]. Về án phí:

- Nguyên đơn bà Cao Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Cao Thị T số tiền 2.500.000 đồng mà ông Lê Văn N (nộp thay cho bà Cao Thị T) đã nộp tiền tạm ứng án phí đan sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005810 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana , tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Đắk Lắk).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.123.835 đồng (ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn tám trăm ba mươi năm đồng).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa , được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND khu vực 5 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thành